

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 03 - 8 - 2020

(V/v yêu cầu ly hôn, giao nuôi con).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Hữu Xây và bà Lê Thị Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuần, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2020 về việc “Ly hôn, giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 06/7/2020 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020 ngày 21/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh T, có mặt;

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1989; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh T (Chị Mai đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 5 năm 2020, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Văn B và chị Đoàn Thị M trên cơ sở yêu nhau tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức Lễ cưới và hai người sống chung với nhau như vợ chồng. Sau khi có con chung là cháu Nguyễn Đoàn Thảo N sinh ngày 11/02/2009 thì anh B và chị M mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 31/3/2009.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cùng bố mẹ bên chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Đến 10/2016, chị M đã bỏ nhà ra đi mà không cho ai biết và để lại con gái Nguyễn Đoàn Thảo N cho anh B nuôi dưỡng từ khi chị M bỏ nhà đi đến nay.

Sau hơn hai năm không liên lạc được và cũng không thấy chị M trở về nên anh B đã yêu cầu tuyên bố chị M mất tích và được Tòa án huyện Phong Điền chấp nhận theo quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 18/02/2020.

Sau khi Tòa án tuyên bố chị M mất tích, do nhu cầu cuộc sống nên anh B đã nộp đơn khởi kiện “yêu cầu được ly hôn với chị Đoàn Thị M”. Về con chung, anh B xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đoàn Thảo N, sinh ngày 11/02/2009 hiện đang ở với anh B (theo giấy khai sinh do UBND xã Phong An, huyện Phong Điền cấp số 87 ngày 26/4/2010). Anh B xin được nhận quyền nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung - nợ chung, anh B xác nhận: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu “xin được ly hôn với chị M và nhận quyền trực tiếp nuôi con”; Các vấn đề khác anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;

Đối với bị đơn: Chị Đoàn Thị M đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và quyết định đang có hiệu lực pháp luật nên được coi là “Đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng” nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh B là xin được ly hôn với chị M và xin nhận quyền trực tiếp nuôi con, thấy rằng: Chị M đã bị mất tích; Vì vậy, yêu cầu của anh B là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng chấp nhận. Các vấn đề khác, anh B không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét anh Nguyễn Văn B và chị Đoàn Thị M được UBND xã P, huyện P đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 31/3/2009 là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, anh B có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, anh B và chị M đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là Thôn Đ, xã P, huyện P nên việc Tòa án huyện Phong Điền thụ lý yêu cầu khởi kiện của anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị Đoàn Thị M - là bị đơn, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Hội đồng thấy rằng: Từ ngày chị M bị tuyên bố mất tích đến nay, Tòa án không nhận được thông tin gì của chị M và cũng không nhận được thông tin gì của những người có quyền, lợi ích liên quan đến việc “Tòa án tuyên bố chị M mất tích”. Vì vậy, Quyết định số 02/2020/QĐST-DS ngày 18/02/2020 của Tòa án huyện Phong Điền về việc tuyên bố chị Đoàn Thị M mất tích” đang có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn đã bị mất tích nên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án không thể tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Đoàn Thị M.

Tuy nhiên, khi chị M bị tuyên bố mất tích, Tòa án đã thông báo cho chị M biết phải có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Phong Điền để giải quyết việc “anh B yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích” trên sóng truyền hình của đài truyền hình trung ương trong 03 ngày liên tiếp và đăng trên báo trung ương 03 số liên tiếp theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, trong trường hợp này được coi là đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng “bị đơn đã cố tình che dấu địa chỉ và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng” trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu của anh B xin ly hôn với chị M thấy rằng: Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị M đã bỏ nhà ra đi từ tháng 10 năm 2016. Sau hơn hai năm không rõ tung tích nên theo yêu cầu của anh B, chị M đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Từ khi chị M bị tuyên bố mất tích đến nay, Tòa án không nhận được thông tin gì từ chị M và những người có quyền, lợi ích liên quan.

Qua đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B và chị M đã quá trầm trọng và không thể hàn gắn; Vì vậy, việc anh B yêu cầu được ly hôn với chị M, xin nhận quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 và các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về tài sản và nợ chung: Anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B với các nội dung sau:

1. Anh Nguyễn Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Đoàn Thị M;
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Nguyễn Đoàn Thảo N, sinh ngày 11/02/2009 (hiện đang ở với anh B) kể từ ngày ban hành bản án cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000.đ theo phiếu thu số 0000953 ngày 29/5/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền là đủ không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hồ Xuân Đàm